

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/LĐ-ST

Ngày 29-8-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Công.

Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng phòng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 425/2024/TLST-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXX-LĐ ngày 26 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Thanh N, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã S, tỉnh Quảng Trị); địa chỉ liên hệ: số D đường số D, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, sinh năm 1995 và bà Hạ Thị Thu T1, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: số D đường số D, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); ông T vắng mặt, bà T1 có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y; địa chỉ: đường số C, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Suzuki T2 – chức vụ: Tổng Giám đốc; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị Thanh N1, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh N và người đại diện hợp pháp của bà N trình bày:

Bà N có mã số bảo hiểm xã hội là 7911163742. Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà N đã liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh) và được thông báo thời điểm từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 bà N có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y (sau đây viết tắt là Y) nên Công ty Y đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà N vào thời gian trên.

Thực tế trong khoảng thời gian này bà N đang làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn M. Thời điểm này bà N cho bà Ngô Thị Thanh N1 (là em ruột của bà N) mượn sơ yếu lý lịch và chứng minh nhân dân của bà N để ký hợp đồng lao động với Công ty Y và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà N từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013. Trên thực tế bà N1 mới là người trực tiếp ký kết hợp đồng và làm việc tại Công ty Y. Do cùng một khoảng thời gian nhưng bà N được đóng bảo hiểm tại hai doanh nghiệp nên bà N không thể rút bảo hiểm xã hội.

Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Ngô Thị Thanh N1 với Công ty Y vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: thoái thu số tiền bảo hiểm xã hội có sổ số 7412035252 tại Công ty Y.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến làm việc với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y nhưng không có kết quả; Công ty cũng đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ để tham gia buổi làm việc; phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại các điều 177, 208, 220, 227 và 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh N1 trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013, bà N1 có mượn giấy tờ của bà N để đi làm tại Công ty Y vì tại thời điểm đó do điều

kiện kinh tế gia đình quá khó khăn, bà N1 cần đi làm để phụ giúp gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà N1 thống nhất và không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H) trình bày tại Công văn số 120/CV-BHXXH ngày 22 tháng 01 năm 2025 với nội dung:

Qua rà soát dữ liệu, Công ty Y đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho bà Ngô Thị Thanh N, sinh năm 1992; số căn cước công dân: 044192009767 (số chứng minh nhân dân: 194450752), với mã số bảo hiểm xã hội 7412035252 từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H) đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn, nội dung, thẩm quyền. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung: Hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động có tên Ngô Thị Thanh N (do bà Ngô Thị Thanh N1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Y vi phạm nguyên tắc trung thực quy định tại Điều 9 của Bộ luật Lao động 1994 (khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019). Do đó, căn cứ Điều 132 của Bộ luật Dân sự 2005 (Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2015), Điều 49, Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2019), hợp đồng lao động giữa bà Ngô Thị Thanh N (do bà Ngô Thị Thanh N1 là người ký kết) với Công ty Y là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: bà N khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Ngô Thị Thanh N (do bà Ngô Thị Thanh N1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Y trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 vô hiệu. Căn cứ quy định tại

khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Y có địa chỉ tại đường số C, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Công ty Y đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các điều 177, 220, 227 và 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có văn bản trình bày ý kiến và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn Công ty Y không đến Tòa án tham gia tố tụng xem như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Trong thời gian từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013, người lao động tên Ngô Thị Thanh N giao kết hợp đồng lao động với Công ty Y và được Công ty Y tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7412035252. Tuy nhiên, bà N và bà N1 đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Y và thực tế làm việc tại Công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 là bà Ngô Thị Thanh N1 (do bà N cho bà N1 mượn sơ yếu lý lịch và chứng minh nhân dân).

[5.2] Xét thấy, lời khai của bà N và bà N1 phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H). Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013, bà N đang làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn M và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7911163742. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Y trong khoảng thời gian tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 là bà Ngô Thị Thanh N1, không phải là bà Ngô Thị Thanh N.

[5.3] Theo Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao

động: “Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập và tiến hành qua thương lượng, thỏa thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết.”; “Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”; “Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội”.

Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 về hợp đồng lao động vô hiệu thì: “Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: “Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”. Do đó, có cơ sở xác định việc bà N1 mượn hồ sơ cá nhân của bà N để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412035252 từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 tại Công ty Y là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[5.4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Thanh N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Ngô Thị Thanh N (do bà Ngô Thị Thanh N1 là chủ thể trực tiếp lý kết) với bị đơn Công ty Y theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412035252 từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 bị vô hiệu.

[5.5] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N và ý kiến của bà N về việc xác định người lao động làm việc tại Công ty Y trong giai đoạn từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 là bà Ngô Thị Thanh N1, không phải là bà Ngô Thị Thanh N. Bà N và bà N1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412035252.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 và khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 122, 132, 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (các điều 117, 122, 127 và 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015);

Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 (các điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019);

Điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh N về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Ngô Thị Thanh N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y tháng 10 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 vô hiệu toàn bộ.

3. Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 77412035252 không phải là bà Ngô Thị Thanh N, sinh năm 1992, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 044192009767 (số chứng minh nhân dân: 194450752). Bà Ngô Thị Thanh N và bà Ngô Thị Thanh N1 được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 77412035252.

4. Án phí lao động sơ thẩm: bà Ngô Thị Thanh N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp là theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009549 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thu

Phạm Thị Thu Yến

Nguyễn Thị Ngân

